

14. Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thừa đất do tạt lùi tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận¹⁵⁷

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu¹⁵⁸

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, công chức, viên chức lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả giao cho cá nhân, tổ chức.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi cho cá nhân, tổ chức để bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ (đảm bảo việc hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện không quá một lần).

- Trường hợp nộp hồ sơ tại UBND cấp xã thi trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp xã phải chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai.

Bước 3: Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính thực hiện các công việc sau:

- Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thực hiện các quyền theo quy định thi thực hiện các công việc sau đây:

+ Trích đo địa chính thừa đất đối với trường hợp có thay đổi về diện tích thừa đất, tài sản gắn liền với đất hoặc trường hợp đã cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa có bản đồ địa chính, chưa trích đo địa chính thừa đất;

+ Trường hợp đăng ký thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu, cấp (hang) nhà hoặc công trình xây dựng mà không phù hợp với giấy phép xây dựng hoặc không có giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải xin phép thi giải phiêu lấy ý kiến của cơ quan quản lý, cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

+ Gửi thông tin địa chính cho cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật;

+ Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thông báo cho người sử dụng đất ký hoặc ký lại hợp đồng thuê đất với cơ quan tài nguyên và môi trường đối với trường hợp phải thuê đất;

- Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ, trình Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận và chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Văn phòng đăng ký đất đai, ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp phải ký lại hợp đồng thuê đất

- Văn phòng đăng ký đất đai (chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) chính lý, cấp nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và trao Giấy chứng nhận cho người được cấp hoặc gửi UBND cấp xã để trao đổi với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã.

¹⁵⁷ Quy định tại Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 19 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT

¹⁵⁸ Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

Bước 4: Cử nhân, tổ chức nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ nộp hồ sơ ban đầu hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, cụ thể:

- Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người sử dụng đất phải nộp lại bản chính giấy tờ theo quy định, bản chính hoặc bản sao kèm theo xuất trình bản chính chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính (hoặc giấy tờ được miễn nghĩa vụ tài chính liên quan đến thủ tục hành chính), đồng thời hoàn thành việc ký hợp đồng thuê đất (nếu thuộc trường hợp phải ký lại hợp đồng thuê đất), nộp lại biên nhận đồng thời ký vào sổ trả kết quả, nộp phí và lệ phí trước khi nhận Giấy chứng nhận.

+ Công chức, viên chức trả kết quả phải kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả phải kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu chỉnh lại cho đúng.

Đối với hồ sơ giải quyết trước thời hạn trả kết quả: Công chức, viên chức liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

- Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (Trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1) Thành phần hồ sơ¹¹²⁹ bao gồm:

c.1.1 Trường hợp đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được đổi tên, giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận gồm có:

(a) Đơn đăng ký biến động đất dài, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/EK;

(b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

(c) Một trong các giấy tờ liên quan đến nội dung biến động:

- Văn bản công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình thay đổi họ, tên;

- Bản sao sổ hộ khẩu đối với trường hợp thay đổi người đại diện là chủ hộ gia đình; văn bản thỏa thuận của hộ gia đình được UBND cấp xã xác nhận đối với trường hợp thay đổi người đại diện là thành viên khác trong hộ;

- Văn bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư được UBND cấp xã xác nhận đối với trường hợp cộng đồng dân cư đổi tên;

- Văn bản xác nhận của UBND cấp xã về tình trạng sạt lở tự nhiên đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất, tài sản gắn liền với đất do sạt lở tự nhiên;

- Chứng từ về việc nộp nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp có ghi nợ hoặc chậm nộp nghĩa vụ tài chính, trừ trường hợp người sử dụng đất được miễn giảm hoặc không phải nộp do thay đổi quy định của pháp luật;

- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi hạn chế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận đối với trường hợp có hạn chế theo quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; trường hợp có thay đổi hạn chế theo văn bản chuyển quyền sử dụng đất thì phải có văn bản chấp thuận thay đổi hạn chế của người có quyền lợi liên quan, được UBND cấp xã xác nhận;

- Bản sao một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số

¹¹²⁹ Quy định tại Khoản 6, Điều 9, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT

43/2014/NĐ-CP thể hiện nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất đã ghi trên Giấy chứng nhận.

- Giấy tờ có liên quan Phục vụ việc xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất (***), đối với trường hợp thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất đã ghi trên Giấy chứng nhận gồm :

- Tờ khai lệ phí trước bạ (Bản chính)

- Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tương ứng với từng trường hợp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế (bản chính, nếu có).

d) Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm các giấy tờ sau đây:

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận;

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận.

c.1.2 Trường hợp xác nhận thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp theo nhu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, gồm các:

a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

c) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận;

d) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận.

c.2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

Thời gian thực hiện không quá 10 ngày⁽¹⁶¹⁾ làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư.

- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

⁽¹⁶⁰⁾ Quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT của liên bộ : Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường

⁽¹⁶¹⁾ Quy định tại Điều i, Khoản 2, Điều 61, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Khoản 40, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

c) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

+ Văn phòng đăng ký đất đai (chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) đối với trường hợp xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng đăng ký đất đai (chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai).

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng, nông nghiệp, thuế, kho bạc.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

h) Lệ phí:

* Lệ phí cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất⁽¹⁶²⁾:

- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đ/Giấy chứng nhận.

- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: 20.000 đ/Giấy chứng nhận.

- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: 10.000 đ/Giấy chứng nhận.

* Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình⁽¹⁶³⁾:

- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đ/Giấy chứng nhận.

- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: 28.000 đ/Giấy chứng nhận.

- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: 14.000 đ/Giấy chứng nhận.

* Phi thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất⁽¹⁶⁴⁾:

+ Đất ở: 150.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 500m²; 200.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 500m² đến dưới 1.000m²; 250.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1.000m² trở lên.

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ: 200.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 500m²; 350.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 500m² đến dưới 1.000m²; 550.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1.000m² trở lên.

+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ): 120.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 1.000m²; 250.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1.000m² đến dưới 10.000m²; 400.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 10.000m² trở lên.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

⁽¹⁶²⁾ Quy định tại khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

⁽¹⁶³⁾ Quy định tại khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

⁽¹⁶⁴⁾ Theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 09/DK được ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

- Tờ khai lệ phí trước bạ (Mẫu số 01 hanh hành kèm theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ).

- Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (dùng cho hộ gia đình, cá nhân) theo Mẫu số 01/TK-SDDPNN hanh hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC, ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính;

- Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (dùng cho tổ chức) theo Mẫu số 02/TK-SDDPNN hanh hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC, ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật đất đai ngày 29/11/2013.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai.

- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Thông tư liên tịch số 58/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, làm chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

- Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017, quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Máu số 09/ĐK^t

**DƠN ĐĂNG KÝ BIEN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI TÀI SẢN GẦN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi: _____

**PHẦN GHI CỦA NGƯỜI
NHẬN HỒ SƠ**

Đã kiểm tra nội dung đơn
đầy đủ, rõ ràng, thống nhất
với giấy tờ xuất trình.

Vào số tiếp nhận hồ sơ
số:.....Quyết....

Ngày / /

Người nhận hồ sơ
(Kí và ghi rõ họ, tên)

I. PHÂN KẾ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ (Kiem hieuong dan viet don truoc khi kí khai; không tẩy xoá, sửa chữa trên đk)	
1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	
1.1. Tên (kiết chữ in hoa): _____	
1.2. Địa chỉ ¹³ : _____	
2. Giấy chứng nhận đã cấp	
2.1. Số vào sổ cấp GCN: ; 2.2. Số phát hành GCN: ;	
2.3. Ngày cấp GCN ... / ... / ;	
3. Nội dung biến động về:	
3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:	3.2. Nội dung sau khi biến động:
4. Lý do biến động	
5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất dài dài với thửa đất đăng ký biến động	
6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nêu kèm theo đơn này gồm có: - Giấy chứng nhận đã cấp;	

Tôi có nhu cầu cấp GCN mới không có nhu cầu cấp GCN mới
 Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày
 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa
 chính.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ <i>(Đối với hộ gia đình, cá nhân để nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)</i>	
----- ----- -----	
Ngày..... tháng..... năm Công chức địa chính (Ký, ghi rõ họ tên)	Ngày..... tháng..... năm Tỉnh Ủy ban nhân dân Chủ tịch (Ký tên, đóng dấu)
III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
----- ----- -----	
Ngày..... tháng..... năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày..... tháng..... năm Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG <i>(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp già hạn sử dụng đất)</i>	
----- ----- -----	
Ngày..... tháng..... năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày..... tháng..... năm Thủ trưởng cơ quan (Ký tên, đóng dấu)

(1) Ké khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì
 ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; , từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhận thمن; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thuê đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cập giấy chứng nhận, định chính giữa chứng nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BÁ NHÀ, ĐẤT

- [01] Kỷ tính thuế: Theo từng lần phát sinh
 [02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

- [04] Tên người nộp thuế:
 [05] Mã số thuế:
 [06] Địa chỉ:
 [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:
 [09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:
 [12] Đại lý thuế, hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật (nếu có):
 [13] Mã số thuế:
 [14] Địa chỉ:
 [15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:
 [17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số: Ngày:

DẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất:
 1.1. Địa chỉ thừa đất:
 1.2. Vị trí thừa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):
 1.3. Mục đích sử dụng đất:
 1.4. Diện tích (m²):
 1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho);
 a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSĐĐ:
 Địa chỉ người giao QSĐĐ:
 b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSĐĐ ngày tháng năm

- 1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):
 2. Nhà:
 2.1. Cấp nhà: Loại nhà:
 2.2. Diện tích nhà (m² sàn xây dựng):
 2.3. Nguồn gốc nhà:
 a) Tự xây dựng:
 - Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):
 b) Mua, thừa kế, tặng cho:
 - Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày tháng năm.
 2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng):

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):.....

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

.....
.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

**Hoặc TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
UY QUYỀN KHAI THAY**

Họ và tên:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] lần đầu: [03] bỏ sang lần thứ:

LƯ PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế

[04] Họ và tên:

[05] Ngày tháng năm sinh:

[06] Mã số thuế:

[07] Số CMND/bộ chiếu:

[08] Ngày cấp:

[09] Nơi cấp:

[10] Địa chỉ cư trú:

[10.1] Tổ/thôn:

[10.2] Phường/xã/thị trấn:

[10.3] Quận/huyện:

[10.4] Tỉnh/Thành phố:

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[11.1] Điện thoại:

[12] Số tài khoản/tại ngân hàng (nếu có):

2. Đại lý thuế (nếu có)

[13] Tên tổ chức:

[14] Mã số thuế:

[15] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[15.1] Phường/xã/thị trấn:

[15.2] Quận/huyện:

[15.3] Tỉnh/Thành phố:

[15.4] Điện thoại:

Fax:

Email:

[15.5] Họp đồng đại lý thuế:

Số họp đồng:

Ngày: ..J..J....

3. Thửa đất chịu thuế

[16] Địa chỉ:....

[17] Tổ/Thôn:

[18] Phường/xã/thị trấn:

[19] Quận/huyện:

[20] Tỉnh/Thành phố:

[21] Là thửa đất duy nhất:

[22] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (quận/huyện):

[23] Đã có giấy chứng nhận:

Số giấy chứng nhận:

[23.1] Ngày cấp:

[23.2] Thời hạn đất:

[23.3] Thời hạn đất:

[23.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:

[23.5] Mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp
(đất ở, đất sản xuất kinh doanh...):

[24] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[24.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích

[24.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích /chưa sử dụng theo đúng quy định

[24.3] Hạn mức (nếu có):

[24.4] Diện tích đất lấn, chiếm:

[25] Chưa có giấy chứng nhận:

[25.1] Diện tích:

[25.2] Mục đích đang sử dụng:

4. [26] Đối với đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[26.1] Loại nhà:

[26.2] Diện tích:

[26.3] Hệ số phân bổ:

5. [27] Trường hợp miễn, giảm thuế: (ghi rõ trường hợp được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách,...).....

6. Đăng ký nộp thuế:

 Nộp thuế một lần trong năm Nộp thuế theo 2 lần trong năm Nộp cho cả thời kỳ ổn định: năm: ...

... Ngày ... tháng ... năm ...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

Họ và tên:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

III/ PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

1. Người nộp thuế	[28] Họ và tên:	
[29] Ngày tháng năm sinh:	[30] Mã số thuế:	
[31] Số CMND/bộ chiếu:	[32] Ngày cấp:	[33] Nơi cấp:
2. Thửa đất chịu thuế		
[34] Địa chỉ:	[35] Tỉnh/Thành phố:	
[36] Phường/xã/huyện:	[37] Quận/huyện:	[38] Tỉnh/Thành phố:
[39] Đã có giấy chứng nhận: <input type="checkbox"/>	Số GCN:	[39.1] Ngày cấp:
[39.2] Thửa đất số:	[39.3] Tờ bản đồ số:	
[39.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:	[39.5] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:	
[39.6] Mục đích sử dụng:	[39.7] Hạn mức: (Hạn mức tại thời điểm cấp GCN)	
[40] Chưa có giấy chứng nhận: <input type="checkbox"/>	[40.1] Diện tích:	
[40.2] Mục đích đang sử dụng:		
3. Trường hợp miễn, giảm thuế: [41] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách...)		
4. Căn cứ tính thuế		
[42] Diện tích đất thực tế sử dụng:	[43] Hạn mức tính thuế:	
[44] Thông tin xác định giá đất:	[44.1] Loại đất:	
[44.2] Tên đường/kvông:		
[44.3] Đoạn đường/khu vực:		
[44.4] Loại đường:	[44.5] Vị trí/địa chỉ:	
[44.6] Giá đất:	[44.7] Hecta (đường/km):	
[44.8] Giá 1 m ² đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):		
5. Diện tích đất tính thuế		
5.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)		
Tính trên diện tích có quyền sử dụng:		
[45] Diện tích trong hạn mức (thứ nhất: 0,07%):	[46] Diện tích vượt quá 3 lần hạn mức (thứ nhất: 0,07%):	[47] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (thứ nhất: 0,15%):
—	—	—
5.2. Đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):		
[48] Diện tích:	[49] Hecta phần trăm:	
5.3. [50] Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:		
5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:		
[51] Diện tích: [52] Mục đích thực tế đang sử dụng:		
[53] Hecta phần trăm (đối với nhà chung cư):		
5.5. Đất lấn chiếm		
[54] Diện tích: [55] Mục đích thực tế đang sử dụng:		
[56] Hecta phần trăm (đối với nhà chung cư):		
Ngày ... tháng... năm...	Ngày ... tháng... năm...	
Cán bộ địa chính xã /phường (Ký tên, ghi rõ họ tên)	CHỦ TỊCH UBND XÃ /PHƯỜNG (Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02/TK-GDDP/NX
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 15/TT-BTC ngày
 02/09/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho tổ chức)

[01] Kỳ tính thuế: Năm ...

[02] lần đầu:

[03] bỏ sang lần thứ:

Đơn vị tiền: Đồng Việt
Nam

1. Người nộp thuế

[04] Tên tổ chức: [05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[06.1] Tổ/Thôn: [06.2] Phường/xã/thị trấn:

[06.3] Quận/huyện: [06.4] Tỉnh/Thành phố:

[07] Điện thoại: [08] Số tài khoản-tại ngân hàng (nếu có):

[09] Tên tổ chức:

2. Đại lý thuế (nếu có)

[10] Mã số thuế:

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[11.1] Phường/xã/thị trấn:

[11.2] Quận/huyện: [11.3] Tỉnh/Thành phố:

[11.4] Điện thoại: [11.5] Fax: [11.6] Email:.....

[11.7] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày ..J.J....

3. Thửa đất chịu thuế

[12] Địa chỉ: [13] Tổ/Thôn:

[14] Phường/xã/thị trấn: [15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Đầu số giấy chứng nhận (GCN) số:

[17.1] Ngày cấp: [17.2] Thửa đất số: [17.3] Tờ bản đồ số: [17.4] Diện tích:

[17.5] Mục đích sử dụng:

4. [18] Đối tượng miễn, giảm thuế:

5. Căn cứ tính thuế:

[19] Diện tích đất thực tế sử dụng:

[20] Thông tin xác định giá đất:

[20.1] Loại đất:

[20.2] Tên đường/vùng:

[20.3] Đoạn đường/khu vực:

[20.4] Loại đường: [20.5] Vị trí/hạng:

[20.6] Giá đất: [20.7] Hệ số (đường/hẻm):

[20.8] Giá 1 m² đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):

6. Tính thuế**6.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)****Tính trên diện tích có quyền sử dụng****[21] Diện tích:****[22] Số thuế phải nộp:**

$$[22] = [21] * [20.8] * 0,03\%$$

6.2. Đất ở nhà nhiều tầng, có nhiều bộ ở - Tính trên diện tích sàn có quyền sử dụng**[23] Diện tích:****[24] Hệ số phân bổ:****[25] Số thuế phải nộp:**

$$[25] = [23] * [24] * [20.8] * 0,03\%$$

6.3. Đất sản xuất kinh doanh - Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích**[26] Diện tích:****[27] Số thuế phải nộp ($[27] = [26] * [20.8] * 0,03\%$):****6.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:****[28] Mục đích đang sử dụng:****[29] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):***(Khi không điện hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)***[30] Diện tích:****[31] Giá 1m² đất:****[32] Số thuế phải nộp ($[32] = [30] * [31] * [29] * 0,19\%$):****6.5. Đất lấn, chiếm****[33] Mục đích đang sử dụng:****[34] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):***(Khi không điện hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)***[35] Diện tích:****[36] Giá 1m² đất:****[37] Số thuế phải nộp ($[37] = [35] * [36] * [34] * 0,2\%$):****7. [38] Tổng số thuế phải nộp trước miễn giảm ($[38] = [22] + [25] + [27] + [32] + [37]$):****8. [39] Số thuế được miễn, giảm:****9. [40] Tổng số thuế phải nộp: $[40] = [38] - [39]$** **10. [41] Nộp một lần cho 5 năm (trong chu kỳ ổn định 5 năm) ($[41] = [40] * 5$):****11. Thời hạn nộp thuế:** Nộp thuế một lần trong năm. Nộp thuế theo 2 lần trong năm. Nộp thuế cho cả thời kỳ ổn định: Năm:

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số.....

Ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

DẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))